

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC HÀ SƠN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT: 9786 Quyển số: 07 UB/CTSGT

29 -12- 2014

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG YẾT KIỆM



PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Thiện

Hà Nội, tháng 2 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Kiên Cường	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 05/04/2013)
Ông Nguyễn Đình Mạo	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 05/04/2013)
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 05/04/2013)
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Triển	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Mạo	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Minh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiền	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Triển	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/07/2013)
Ông Đặng Kiên Cường	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05/04/2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Mạo
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Số: 110 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình

Chúng tôi kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/02/2014, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm, còn một phần tiền thuê đất chưa được Công ty chưa ghi nhận vào chi phí, với giá trị khoảng 998,7 triệu đồng, do Công ty và Tổng Công ty Lương thực miền Bắc đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xin điều chỉnh giảm tiền thuê đất cho Công ty.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		68.756.660.268	90.317.028.928
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.851.968.095	18.508.675.541
1. Tiền	111		10.851.968.095	18.508.675.541
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.161.488.994	16.266.985.762
1. Phải thu khách hàng	131	6	8.006.456.488	13.639.015.079
2. Trả trước cho người bán	132	7	12.997.533.200	833.197.200
3. Các khoản phải thu khác	135	8	1.157.499.306	1.794.773.483
III. Hàng tồn kho	140	9	20.504.552.537	32.825.609.519
1. Hàng tồn kho	141		20.504.552.537	32.825.609.519
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.238.650.642	22.715.758.106
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	85.588.656
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.399.364.400	9.032.115.558
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		684.215.552	734.002.072
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	10.155.070.690	12.864.051.820
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		16.457.594.996	16.351.555.847
I. Tài sản cố định	220		13.734.446.335	13.659.625.070
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.734.446.335	13.659.625.070
- Nguyên giá	222		25.081.978.821	24.745.711.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.347.532.486)	(11.086.086.067)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.691.930.777	2.691.930.777
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.691.930.777	2.691.930.777
III. Tài sản dài hạn khác	260		31.217.884	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		31.217.884	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		85.214.255.264	106.668.584.775

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

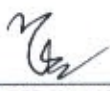
Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		67.648.350.047	89.170.520.764
I. Nợ ngắn hạn	310		67.648.350.047	89.170.520.764
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	60.799.764.000	85.317.060.000
2. Phải trả người bán	312		-	39.165.970
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.077.995.355	1.400.669.692
4. Phải trả người lao động	315		213.138.176	123.413.679
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	5.398.495.311	2.116.854.218
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		158.957.205	173.357.205
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		17.565.905.217	17.498.064.011
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	17.565.905.217	17.498.064.011
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.890.280.000	17.890.280.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.777.152.808	1.777.152.808
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		301.734.074	301.734.074
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.403.261.665)	(2.471.102.871)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		85.214.255.264	106.668.584.775



Nguyễn Đình Mạo
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014


 Đào Thị Hoàng Yến
 Kế toán trưởng


 Đào Thị Hoàng Yến
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013


MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		366.817.595.119	439.131.992.751
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	366.817.595.119	439.131.992.751
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	350.455.607.113	419.369.977.277
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.361.988.006	19.762.015.474
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	548.702.983	433.401.842
7. Chi phí tài chính	22	21	6.487.516.852	8.678.417.373
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.431.636.914	8.678.417.373
8. Chi phí bán hàng	24		7.824.243.724	9.437.021.198
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.564.677.437	3.561.447.790
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		34.252.976	(1.481.469.045)
11. Thu nhập khác	31		41.310.405	5.837.238.001
12. Chi phí khác	32		7.722.175	5.808.371.827
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		33.588.230	28.866.174
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		67.841.206	(1.452.602.871)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		67.841.206	(1.452.602.871)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	38	(812)



Nguyễn Đình Mạo
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014


 Đào Thị Hoàng Yến
 Kế toán trưởng


 Đào Thị Hoàng Yến
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		67.841.206	(1.452.602.871)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	2		301.372.494	1.005.937.700
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(150.347.707)	(433.401.842)
Chi phí lãi vay	6		6.431.636.914	8.678.417.373
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		6.650.502.907	7.798.350.360
Thay đổi các khoản phải thu	9		1.527.015.576	(2.759.748.460)
Thay đổi hàng tồn kho	10		12.321.056.982	2.652.218.954
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.009.525.283	(3.273.836.183)
Thay đổi chi phí trả trước	12		54.370.772	(48.040.331)
Tiền lãi vay đã trả	13		(6.431.636.914)	(8.678.417.373)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(44.400.000)	(45.167.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.086.434.606	(4.354.640.633)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(383.915.934)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.636.364	978.003.675
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		154.433.518	433.401.842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(225.846.052)	1.411.405.517
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		233.077.427.400	310.744.565.700
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(257.594.723.400)	(296.791.910.422)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(898.075.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.517.296.000)	13.054.580.278
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(7.656.707.446)	10.111.345.162
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.508.675.541	8.397.330.379
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	10.851.968.095	18.508.675.541



Nguyễn Đình Mạo
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Đào Thị Hoàng Yến
 Kế toán trưởng

Đào Thị Hoàng Yến
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình gọi tắt là "Công ty" được thành lập theo quyết định số 2997/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 31/10/2005 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0103000490 ngày 12/06/2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội) cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/07/2009.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 17.890.280.000 đồng.

Văn phòng của Công ty đặt tại số 430 đường Cầu Am, Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 96.

Công ty có các chi nhánh sau:

Chi nhánh Lương thực Hà Đông	37 Bà Triệu - TX Hà Đông
Chi nhánh Lương thực Phú Tín	Thị trấn Thường tín - Hà Nội
Chi nhánh Lương thực Thanh Hòa	Xã Liên Bạt - Ứng hòa - Hà nội
Chi nhánh Lương thực Thạch Mỹ	Thị trấn Liên Quan - Thạch Thất - Hà Nội
Chi nhánh Lương thực Đan Hoài	Thị trấn Phùng - Đan Phượng - Hà Nội
Chi nhánh Lương thực Sơn tây	120 Lê Lợi TX Sơn Tây - Hà Nội
Chi nhánh Lương thực Hòa Bình	Tổ 13 - P. Đồng Tiến - TP Hòa Bình
Chi nhánh Lương thực Đồng Tháp	24/7 Khóm Hòa An - P2 - TX Sa đéc - Đ/Tháp

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh buôn bán lương thực, công nghiệp xay xát, chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản, đại lý tiêu thụ hàng hóa, cung ứng, ủy thác, xuất khẩu lương thực;
- Dự trữ lưu thông chế biến và kinh doanh bán buôn, bán lẻ nông sản thực phẩm, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bán lẻ đại lý xăng dầu, hàng công nghệ phẩm;
- Dịch vụ kinh doanh điện tử, dịch vụ ăn uống nhà nghỉ, vận tải hành khách và hàng hóa, lữ hành nội địa, kinh doanh đại lý nước giải khát có cồn và không có cồn;
- Mua bán thuốc lá, thuốc Lào, đường sữa, bánh kẹo;
- Dịch vụ văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh siêu thị, kinh doanh chế biến các mặt hàng lâm sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Các bên liên quan

Các công ty có vốn góp của Tổng Công ty Lương thực miền Bắc; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm, Công ty đã áp dụng phương pháp tính giá hàng tồn kho từ Bình quân gia quyền sang Nhập trước xuất trước; theo đánh giá của Công ty việc thay đổi chính sách kế toán này nhằm phản ánh hợp lý giá trị hàng tồn kho theo thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty; việc thay đổi chính sách này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty, do đó Công ty không thực hiện áp dụng việc điều chỉnh theo phương pháp hồi tố trên báo cáo tài chính này.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Theo đánh giá của Công ty, giá trị dự phòng nợ phải thu cần trích lập tại thời điểm kết thúc năm tài chính là không có ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính của Công ty, theo đó, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn, nợ khó thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 50
Máy móc, thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình; các khoản vay ngắn hạn phát sinh chủ yếu trong quý 4 năm 2014, và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm dương. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	Năm 2013		Năm 2012	
		VND		VND	
Bán hàng		145.602.786.000		12.019.930.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	-		2.335.368.242	
Công ty Cổ phần Lương thực Thái Nguyên	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	-		29.400.000	
Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	3.461.000.000		7.580.530.000	
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	-		4.410.000.000	
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	142.141.786.000		87.057.351.000	
Mua hàng				22.202.206.750	
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	-		9.527.960.000	
Công ty Cổ phần Lương thực Sơn La	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	-		3.080.000.000	
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNFI	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	-		230.000.000	
Công ty Cổ phần Kinh doanh Bao bì Lương thực	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	-		536.990.500	
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	Công ty mẹ	-		8.827.256.250	
Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	4.084.750.000		-	
		31/12/2013		01/01/2013	
		VND		VND	
Các khoản phải thu					
Công ty Cổ phần lương thực Hà Bắc	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	-		661.500.000	
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ VNFI	Công ty có vốn góp của công ty mẹ	-		212.244.200	
Lương và thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc					
			Năm 2013		Năm 2012
			VND		VND
Lương và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc			525.642.000		618.328.000
Cộng			525.642.000		618.328.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.



Nguyễn Đình Mạo
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014


Đào Thị Hoàng Yến
Kế toán trưởng


Đào Thị Hoàng Yến
Người lập